

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **16/2018/LĐ-PT**

Ngày: 28-9-2018

V/v: “*Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp
đồng lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội,
bảo hiểm y tế*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hồng Luyện

Các Thẩm phán:

Bà Phan Thị Thu Hương

Bà Vũ Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Bảo – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Mai Văn Sinh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân tỉnh
Đồng Nai mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số:
04/2018/TLPT-LĐ ngày 02 tháng 4 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp đơn phương
chấm dứt hợp đồng lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế*”.

Do Bản án lao động sơ thẩm số: 01/2018/LĐ-ST ngày 09 tháng 01 năm
2018 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2018/QĐ-PT ngày 06 tháng 9
năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 31/2018/QĐ-PT ngày 21
tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Ngô Thanh B**, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, thành phố C, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Phước L**, sinh
năm: 1985. (được ủy quyền theo Văn bản ủy quyền ngày 26 tháng 10 năm 2016)

2. Bị đơn: Công ty **TNHH S**.

Địa chỉ: Khu phố D, phường E, thành phố C, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Bà **Cao Minh L** – Chức vụ:
Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bảo hiểm xã hội thành phố C, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: Đường F, thành phố C, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật của Bảo hiểm xã hội thành phố C, tỉnh Đồng Nai: Ông **Lê Văn D** – Chức vụ: Giám đốc.

(Bà L có mặt tại phiên tòa; ông L, ông D vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Phước L trình bày:

Ông Ngô Thanh B vào làm việc tại Công ty TNHH S (sau đây gọi tắt là Công ty) từ tháng 3 năm 2014, công việc là làm lái xe giao nhận hàng. Công ty trả lương cho ông B hàng tháng với mức lương là 6.000.000đ/tháng. Quá trình làm việc, Công ty không giao cho ông B hợp đồng lao động, tuy nhiên có đóng bảo hiểm xã hội cho ông B. Như vậy, xác định quan hệ giữa các bên là quan hệ lao động không xác định thời hạn. Quá trình làm việc, ông B luôn hoàn thành nhiệm vụ, tuy nhiên vào ngày 15 tháng 6 năm 2016, ông B đến Công ty nhưng Công ty giao xe cho người khác chạy. Những ngày sau đó, ông B đến Công ty làm việc thì không được giao xe. Ông B liên hệ với Giám đốc khi đó là ông Trần Quang D thì được trả lời Công ty không có xe. Ông D hướng dẫn ông B đến gặp bà L để được giải quyết. Khi ông B đến gặp bà L, ông được biết sổ bảo hiểm bà L đã gửi cho bà T (là cháu bà L). Nhưng khi gặp bà T, ông không được trả tiền lương và sổ bảo hiểm xã hội. Do Công ty đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông, nên ngày 15 tháng 9 năm 2016 ông B đã gửi đơn lên Phòng Lao động Thương binh và Xã hội thành phố C đề nghị hòa giải. Phòng Lao động Thương binh và Xã hội thành phố C đã tổ chức hòa giải 02 lần nhưng Công ty vắng mặt không lý do.

Nay ông B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc:

1. Tuyên bố việc Công ty TNHH S đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông Ngô Thanh B là trái pháp luật.

2. Buộc Công ty TNHH S phải nhận ông Ngô Thanh B trở lại làm việc theo hợp đồng lao động đã giao kết và phải trả tiền lương, tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong những ngày ông B không được làm việc, cộng dồn với ít nhất 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động và khoản tiền tương ứng với những ngày ông B không được báo trước khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động là 45 ngày.

Tạm tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm với số tiền là:

- Tiền lương: 6.000.000 đồng x 30,5 tháng = 183.000.000 đồng;

- 02 tháng tiền lương bồi thường: 6.000.000 đồng x 02 tháng = 12.000.000 đồng;

- 45 ngày lương không được báo trước: $45 \text{ ngày} \times 230.769 \text{ đồng} = 10.384.615 \text{ đồng}$;

Tổng cộng: 205.384.615 đồng.

Tiền bảo hiểm y tế là 21% lương: $1.260.000 \text{ đồng} \times 30,5 \text{ tháng} = 38.430.000 \text{ đồng}$.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải, người đại diện theo pháp luật của bị đơn Bà Cao Minh L trình bày:

Công ty TNHH S nhận ông Ngô Thanh B vào làm việc từ tháng 3 năm 2014, công việc là làm lái xe với mức lương trả theo công việc của từng chuyến xe. Hai bên tự thỏa thuận với nhau không ký kết hợp đồng lao động. Quá trình làm việc, ông B không tuân thủ quy định thời gian giao hàng của Công ty làm Công ty phải mất hợp đồng lao động với đối tác. Công ty không giao xe cho ông B để chuyển hàng vì lý do Công ty đối tác không chấp nhận tài xế có vi phạm về thời gian giao hàng như ông B. Vào các ngày 15, 22, 29 tháng 6 năm 2016, ông B không đến Công ty làm việc và Công ty có lập biên bản. Phòng Lao động Thương binh và Xã hội thành phố C đã tổ chức hòa giải 02 lần nhưng Công ty vắng mặt do Công ty không nhận được giấy báo từ Phòng Lao động Thương binh và Xã hội thành phố C. Nay, với yêu cầu được nhận trở lại làm việc của ông B thì Công ty đồng ý và đồng ý tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội cho ông B, vì Công ty vẫn đang thiếu tài xế. Đối với việc trả lương cho những ngày không được làm việc, bồi thường 02 tháng tiền lương, tiền lương của những ngày không được báo trước thì Công ty không đồng ý. Đến ngày xét xử sơ thẩm, Công ty có ý kiến không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Theo công văn số: 104/BHXXH ngày 20 tháng 3 năm 2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố C có ý kiến như sau:

Từ tháng 9 năm 2014 đến tháng 6 năm 2016, ông Ngô Thanh B đóng Bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH S với thời gian 01 năm 10 tháng với mức lương đóng bảo hiểm xã hội là 3.745.000đ (Ba triệu bảy trăm bốn mươi lăm ngàn đồng). Từ tháng 7 năm 2016, Cơ quan Bảo hiểm xã hội ngừng theo dõi số liệu do không liên lạc được với Công ty. Công ty TNHH S còn nợ bảo hiểm xã hội của 05 người lao động với tổng số tiền là 26.361.279 đồng, trong đó nợ lãi là 3.543.001 đồng. Về số liệu thu, Cơ quan Bảo hiểm xã hội áp dụng phương pháp tính thu đối với tất cả các lao động. Không tính thu riêng đối với cá nhân. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Bảo hiểm xã hội có ý kiến nếu đóng thì buộc thanh toán dứt điểm số tiền nợ cho 05 lao động từ thời điểm tháng 7 năm 2016 đến thời điểm người lao động nghỉ việc (nếu có), vì cơ quan Bảo hiểm xã hội áp dụng phương pháp tính thu đối với tất cả các lao động. Do không sắp xếp được thời gian tham dự, đề nghị Tòa án cho Bảo hiểm xã hội thành phố C vắng mặt tại các buổi hòa giải, làm việc, xét xử tại Tòa án.

Tại Bản án lao động sơ thẩm số: 01/2018/LĐ-ST ngày 09 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa quyết định:

Căn cứ vào các điều 32, 35, 39, 68, 227, 266, 428 Bộ luật tố tụng dân sự;
Áp dụng các điều 41, 42 Bộ luật Lao Động;

Áp dụng Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;
Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Thanh B đối với bị đơn Công ty TNHH S về việc tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

Tuyên bố việc Công ty TNHH S đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông Ngô Thanh B là trái pháp luật.

Tuyên xử:

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn S phải nhận ông Ngô Thanh B trở lại làm việc theo thỏa thuận lao động giữa các bên.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn S có nghĩa vụ thanh toán cho ông Ngô Thanh B số tiền 128.194.230đ (Một trăm hai mươi tám triệu, một trăm chín mươi bốn ngàn, hai trăm ba mươi đồng) do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật.

Buộc Công ty TNHH S phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho ông Ngô Thanh B trong thời gian không được làm việc theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội, Luật bảo hiểm y tế.

Về án phí: Công ty trách nhiệm hữu hạn S phải chịu 3.845.826đ (Ba triệu tám trăm bốn mươi lăm ngàn tám trăm hai mươi sáu đồng) án phí Lao động sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06 tháng 02 năm 2018 và ngày 05 tháng 6 năm 2018, bị đơn Công ty TNHH S do Bà Cao Minh L – Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm giám đốc là người đại diện theo pháp luật kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, các đương sự tham gia phiên tòa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Bản án sơ thẩm xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng theo quy định của pháp luật.

+ Về việc giao kết hợp đồng lao động: Ông B được nhận vào Công ty TNHH S từ tháng 3 năm 2014, mặc dù bị đơn xác định không ký kết hợp đồng

lao động với ông B nhưng thực tế ông B đã làm lái xe cho Công ty, Công ty cũng đã đóng bảo hiểm xã hội cho ông B từ tháng 4 năm 2014 đến tháng 6 năm 2016.

Theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện, người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH S thừa nhận Công ty nhận ông B vào làm việc từ tháng 3 năm 2014, với công việc là lái xe. Hai bên chỉ thỏa thuận lao động bằng miệng, không ký kết hợp đồng, mức lương thỏa thuận là 6.000.000 đồng/tháng bao gồm cả tiền bảo hiểm xã hội Công ty đóng cho ông B, thời điểm trả lương cuối cùng cho ông B là tháng 6 năm 2016.

Như vậy, căn cứ vào các điều 7, 15, 17, 22 Bộ luật Lao động xác định giữa các bên xác lập hợp đồng lao động không thời hạn.

+ Về chấm dứt hợp đồng lao động và trách nhiệm bồi thường: Công ty TNHH S xác định do ông B tự ý bỏ việc chứ Công ty không chấm dứt hợp đồng lao động với ông B. Khi ông B không đến làm việc, Công ty chỉ lập biên bản xác định ông B không đến làm việc vào các ngày 15, 22, 29 tháng 6 năm 2016 nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh.

Mặt khác, Phòng Lao động Thương binh và Xã hội thành phố C đã 02 lần gửi giấy mời Công ty hòa giải theo đơn yêu cầu của ông B nhưng đại diện Công ty vẫn vắng mặt không có lý do nên chứng tỏ việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông B của Công ty là trái pháp luật. Do đó, căn cứ vào Điều 42 của Bộ luật Lao động, Công ty TNHH S phải có nghĩa vụ nhận ông Ngô Thanh B trở lại làm việc, bồi thường tiền lương và đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho ông B trong thời gian không được làm việc theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ông B xin rút yêu cầu Công ty TNHH S nhận trở lại làm việc, xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện và đúng pháp luật nên đề nghị chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm, đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện buộc Công ty TNHH S nhận ông B trở lại làm việc theo thỏa thuận giữa các bên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục và tư cách tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định chính xác và đầy đủ.

Về việc tham gia phiên tòa phúc thẩm của các đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Phước L, người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn D có đơn xin xét

xử vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm nên Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt họ theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động*” là chưa đầy đủ, mà quan hệ pháp luật tranh chấp phải là: “*Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế*”, nên cần rút kinh nghiệm.

[4] Về nội dung tranh chấp:

Ông Ngô Thanh B vào làm việc tại Công ty TNHH S (sau đây gọi tắt là Công ty) từ tháng 3 năm 2014, công việc là lái xe giao nhận hàng. Công ty trả lương cho ông B hàng tháng với mức lương là 6.000.000đ/tháng. Quá trình làm việc, Công ty không giao hợp đồng lao động cho ông B, tuy nhiên có đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế cho ông B. Quá trình làm việc, ông B luôn hoàn thành nhiệm vụ, tuy nhiên vào ngày 15 tháng 6 năm 2016, ông B đến Công ty thì Công ty giao xe cho người khác chạy. Những ngày sau đó, ông B đến Công ty làm việc thì không được giao xe. Ông B liên hệ với Giám đốc Công ty khi đó là ông Trần Quang D thì được trả lời Công ty không có xe. Ông D hướng dẫn ông B đến gặp bà L để được giải quyết. Khi ông B đến gặp bà L, ông được biết sổ Bảo hiểm bà L đã gửi cho bà T (là cháu bà L). Nhưng khi gặp bà T thì ông B không được trả tiền lương và sổ Bảo hiểm xã hội. Nên ông B khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên Công ty TNHH S đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông là trái pháp luật, yêu cầu Công ty tiếp tục nhận ông B trở lại làm việc và phải trả tiền lương, tiền Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế trong những ngày ông không được làm việc, buộc Công ty phải trả 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động và khoản tiền tương ứng với những ngày ông B không được báo trước khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động là 45 ngày. Tổng cộng số tiền là: 128.194.230đ (Một trăm hai mươi tám triệu một trăm chín mươi tư nghìn hai trăm ba mươi đồng).

Công ty TNHH S thừa nhận ông Ngô Thanh B vào làm việc từ tháng 3 năm 2014, công việc là làm lái xe từng chuyến, với mức lương trả theo công việc khoán của từng chuyến xe. Hai bên tự thỏa thuận với nhau không ký kết hợp đồng lao động, không có bảng lương. Quá trình làm việc, ông B không tuân thủ quy định thời gian giao hàng của Công ty, làm Công ty phải mất hợp đồng giao hàng với đối tác. Nên Công ty không giao xe cho ông B để chuyển hàng nữa vì lý do đối tác không chấp nhận tài xế có vi phạm về thời gian giao hàng. Vào các ngày 15, 22, 29 tháng 6 năm 2016, ông B không đến Công ty làm việc và Công ty có lập biên bản về việc ông B vi phạm, nên Công ty không giao xe cho ông B đi giao hàng nữa. Qua yêu cầu của ông B, Công ty không đồng ý bồi thường như yêu cầu của ông B đưa ra.

[5] Về các tài liệu chứng cứ:

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai của các đương sự cung cấp, giữa ông Ngô Thanh B và Công ty TNHH S do Bà Cao Minh L – Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc là đại diện theo pháp luật có nhận ông B vào làm việc trong Công ty thời gian từ tháng 3 năm 2014, đến tháng 6 năm 2016 thì Công ty không giao việc cho ông B và đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông B. Ông B trình bày ông có ký hợp đồng lao động với Công ty nhưng ông B không còn giữ hợp đồng lao động, hàng tháng ông vẫn nhận lương số tiền là 6.000.000 đồng, ông có ký bảng lương nhưng Công ty hiện lưu giữ chứ ông không được phép giữ bảng lương, Công ty đã đóng Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế cho ông thời gian từ khi vào làm việc cho đến khi Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông. Ngày 15 tháng 9 năm 2016, Ông Ngô Thanh B đã gửi đơn đề nghị Phòng Lao động Thương binh và Xã hội thành phố C hòa giải. Phòng Lao động Thương binh và Xã hội thành phố C đã tiến hành hòa giải nhưng Công ty không có mặt.

Công ty TNHH S cho rằng Công ty không ký hợp đồng lao động đối với ông B, mà Công ty chỉ hợp đồng thời vụ, giao khoán theo chuyên, chạy chuyên nào Công ty thanh toán tiền công chuyên đó. Quá trình làm việc, ông B không chấp hành thời gian giao hàng của Công ty, cụ thể vào các ngày 15, 22, 29 tháng 6 năm 2016, ông B làm mất uy tín với đối tác của Công ty nên Công ty không giao xe cho ông B chạy nữa. Sau đó, ông B không đến Công ty làm việc và Công ty có lập biên bản về việc này. Công ty cho rằng Công ty không đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông B mà do ông B tự ý nghỉ việc. Công ty không giao xe hàng cho ông B là do ông B có những vi phạm về thời gian khi giao hàng cho đối tác của Công ty và đối tác của Công ty không chấp nhận tài xế giao hàng là ông B. Cụ thể các ngày 01, 06 tháng 6 năm 2016, ông B lái xe biển số 60C-164.59 giao hàng trễ, có thái độ không chuẩn mực và ngày 15 tháng 6 năm 2016, ông B không đến Công ty nên dẫn đến Công ty phải giao hàng trễ cho đối tác. Thiệt hại xảy ra là Công ty bị đối tác chấm dứt hợp đồng vận chuyển theo Thông báo số 06/TB ngày 20 tháng 6 năm 2016. Xét thấy, từ những chứng cứ phía bị đơn cung cấp cho thấy sai phạm của ông B trong quá trình lao động tại Công ty là có thật. Tuy nhiên, Công ty không thực hiện việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông B theo quy định của Bộ luật Lao động là trái quy định của pháp luật.

Công ty yêu cầu ông B cung cấp hợp đồng lao động và bảng lương gốc, qua yêu cầu này thấy:

Công ty TNHH S nhận ông B vào làm việc từ tháng 3 năm 2014, đến tháng 6 năm 2016 thì Công ty không giao việc và cho ông B nghỉ việc. Về công việc ông B được nhận vào làm là lái xe vận chuyển hàng. Về hợp đồng lao động và tiền lương, việc giao kết hợp đồng cũng như giao nhận tiền lương thì người lao động và người sử dụng lao động không cung cấp được hợp đồng lao động và bảng lương chính.

Tuy nhiên, ngày 20 tháng 3 năm 2017, Bảo hiểm xã hội thành phố C đã có Công văn số 104/BHXXH có ý kiến như sau: Từ tháng 9 năm 2014 đến tháng 6 năm 2016, ông Ngô Thanh B đóng Bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH S với thời gian 01 năm 10 tháng với mức lương đóng bảo hiểm xã hội là 3.745.000đ (Ba triệu bảy trăm bốn mươi lăm ngàn đồng). Từ tháng 7 năm 2016, Cơ quan Bảo hiểm xã hội ngừng theo dõi số liệu do không liên lạc được với Công ty. Công ty S còn nợ bảo hiểm xã hội của 05 người lao động với tổng số tiền là 26.361.279 đồng, trong đó nợ lãi là 3.543.001 đồng. Về số liệu thu, Cơ quan Bảo hiểm xã hội áp dụng phương pháp tính thu đối với tất cả các lao động, không tính thu riêng đối với cá nhân. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Bảo hiểm xã hội có ý kiến nếu đóng thì buộc thanh toán dứt điểm số tiền nợ cho 05 lao động từ thời điểm tháng 7 năm 2016 đến thời điểm người lao động nghỉ việc (nếu có), vì cơ quan Bảo hiểm xã hội áp dụng phương pháp tính thu đối với tất cả các lao động.

Qua các tài liệu chứng cứ thể hiện, Công ty TNHH S do Bà Cao Minh L – Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc làm đại diện theo pháp luật đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông Ngô Thanh B không đúng quy định tại điều 39 Bộ luật lao động. Quá trình làm việc, Công ty không giao cho ông B hợp đồng lao động, tuy nhiên có đóng bảo hiểm xã hội cho ông B. Như vậy, xác định quan hệ giữa các bên là quan hệ lao động không xác định thời hạn theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 22 Bộ luật lao động. Công ty cho rằng do ông B nhờ đóng Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế nhưng không cung cấp được tài liệu chứng minh việc này.

Như vậy, ông Ngô Thanh B và Công ty TNHH S do Bà Cao Minh L – Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc là đại diện theo pháp luật không cung cấp được chứng cứ trực tiếp là hợp đồng lao động và bảng lương, nên căn cứ chứng cứ gián tiếp là mức lương do Công ty TNHH S đóng Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế để buộc Công ty bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật đối với ông Ngô Thanh B.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Bộ luật lao động năm 2012 quy định: “ Khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động người sử dụng lao động phải báo cho người lao động biết trước: a) ít nhất 45 ngày đối với hợp đồng không xác định thời hạn;” Nhưng Công ty TNHH S không ban hành Thông báo về việc chấm dứt hợp đồng lao động và cũng không ban hành Quyết định cho ông B thôi việc. Như vậy, Công ty đã vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều 38 Bộ luật lao động năm 2012.

Do đó, việc Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông B là trái quy định tại các Điều 37, 38, 39 và 41 Bộ luật lao động năm 2012. Ông B khởi kiện là có cơ sở nên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông B.

Về nội dung Công ty yêu cầu làm rõ việc không tiến hành hòa giải thì theo như biên bản xác minh ngày 01 tháng 11 năm 2017 tại Phòng Lao động Thương binh và Xã hội thể hiện Phòng Lao động Thương binh và Xã hội đã gửi thư mời theo hình thức báo phát mà Công ty S không cử người đến dự.

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 201 của Bộ luật lao động thì trường hợp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động không bắt buộc phải qua thủ tục hòa giải. Như vậy, yêu cầu làm rõ việc hòa giải của Công ty không có cơ sở nên không chấp nhận.

Từ những nhận định trên, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm với lý do yêu cầu nguyên đơn cung cấp hợp đồng lao động và bảng lương gốc mà bị đơn là người sử dụng lao động không cung cấp được nên không có cơ sở chấp nhận. Do đó, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm, ông Ngô Thanh B rút yêu cầu Công ty TNHH S nhận trở lại làm việc, nên đình chỉ yêu cầu khởi kiện này của ông Ngô Thanh B.

Ông Ngô Thanh B vẫn yêu cầu Công ty TNHH S do Bà Cao Minh L – Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc làm đại diện theo pháp luật bồi thường các khoản như sau:

1. Bồi thường vi phạm thời gian báo trước số tiền là: 1.588.720 đồng;
2. Bồi thường 02 tháng tiền lương do Công ty cho nghỉ việc trái pháp luật: $3.402.400 \text{ đồng} \times 2 \text{ tháng} = 6.808.800 \text{ đồng}$;
3. Trả tiền lương thời gian không được Công ty cho làm việc: Từ ngày 15 tháng 6 năm 2016 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 09 tháng 01 năm 2018 là $01 \text{ năm} \times 3.745.000 \text{ đồng} = 114.222.500 \text{ đồng}$;
4. Bồi thường 02 tháng tiền lương để chấm dứt Hợp đồng lao động: $3.745.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ tháng} = 7.490.000 \text{ đồng}$;
5. Tiền 45 ngày lương: $3.745.000\text{đ}/26\text{ngày} \times 45 \text{ ngày} = 6.481.730 \text{ đồng}$;
6. Đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế từ ngày 15 tháng 6 năm 2016 đến ngày 09 tháng 01 năm 2018 (Việc đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội, Luật bảo hiểm y tế).

Tổng cộng số tiền Công ty TNHH S do Bà Cao Minh L – Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc làm đại diện theo pháp luật phải bồi thường cho ông Ngô Thanh B là: 128.194.230 đồng (Một trăm hai mươi tám triệu một trăm chín mươi tư ngàn hai trăm ba mươi đồng).

[6] Về án phí: Công ty TNHH S phải chịu án phí Lao động sơ thẩm có giá ngạch là 3.845.826 đồng (Ba triệu tám trăm bốn mươi lăm ngàn tám trăm hai mươi sáu đồng).

Về án phí lao động phúc thẩm, do yêu cầu kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên Công ty TNHH S do Bà Cao Minh L – Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc là đại diện theo pháp luật phải chịu án phí lao động phúc thẩm số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập và quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 32, 228, 308, 314 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 41, 42 Bộ luật Lao Động;

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của của bị đơn Công ty TNHH S do Bà Cao Minh L – Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc là đại diện theo pháp luật.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Thanh B đối với bị đơn Công ty TNHH S do Bà Cao Minh L – Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc là người đại diện theo pháp luật về việc tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

Tuyên bố Công ty TNHH S do Bà Cao Minh L – Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc là người đại diện theo pháp luật đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông Ngô Thanh B là trái pháp luật.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Thanh B về việc yêu cầu Công ty TNHH S nhận trở lại làm việc.

2. Buộc Công ty TNHH S do Bà Cao Minh L – Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc là người đại diện theo pháp luật có nghĩa vụ thanh toán cho ông Ngô Thanh B số tiền: 128.194.230đ (Một trăm hai mươi tám triệu một trăm chín mươi bốn ngàn hai trăm ba mươi đồng) do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật.

3. Buộc Công ty TNHH S do Bà Cao Minh L – Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc là người đại diện theo pháp luật, phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho ông Ngô Thanh B thời gian từ ngày 15 tháng 6 năm 2016 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 09 tháng 01 năm 2018 (Việc đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội, Luật bảo hiểm y tế).

4. Về án phí: Công ty TNHH S do Bà Cao Minh L – Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc là người đại diện theo pháp luật phải chịu 3.845.826đ (Ba triệu tám trăm bốn mươi lăm ngàn tám trăm hai mươi sáu đồng) án phí lao động sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí lao động phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu số 006346, ngày 06 tháng 02 năm 2018, của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, Công ty TNHH S do Bà Cao Minh L – Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám

độc là người đại diện theo pháp luật đã nộp được trừ vào số tiền án phí lao động phúc thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 02 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự. Thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh ĐN;
- TAND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Hồng Luyến